TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH TỈNH TUYÊNQUANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2018
V/v:"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Nhâm

2. Bà Vũ Thị Ngọc Tuyết

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018, về việc: Yêu cầu không công nhận là vợ chồng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chúc Thị C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: Anh Triệu Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Hồng T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Mạnh T, chức vụ: Cán bộ, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Chúc Thị C trình bày: Năm 2004 chị Chúc Thị C kết hôn với anh Triệu Văn L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có cưới xin theo phong tục tập quán của bản làng dân tộc, vì lý do không hiểu biết nên anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn M, xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng lục đục và căng thẳng bạo lực, anh Lai thường xuyên quấy nhiễu đánh đập, đã từng đổ thuốc trừ cỏ già vào quần áo của chị C nhưng đã bị phát hiện và mang quần áo đi giặt. Thời gian gần đây lại xảy ra sự việc như vậy, Công an xã P đã lấy quần áo của chị C điều tra sự việc, qua những hành động bạo lực nguy hiểm trên của anh L, chị C cho rằng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh L được vì không còn tình cảm với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chị C, anh L có hai con trai chung, cháu lớn là Triệu Thanh V, sinh ngày 09/10/2004; cháu thứ hai là Triệu Thanh H, sinh ngày 02/2/2008. Chị C yêu cầu mỗi người nuôi một cháu và không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị C, anh L còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L tổng số tiền là 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng).*

Tại phiên tòa sơ thẩm chị C nhất trí trả một phần số nợ 55.000.000đ *(năm mươi lăm triệu đồng*) và lãi suất theo quy định. Chia ra chị C trả nợ 27.500.000đ (*hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất theo quy định; anh L trả nợ 27.500.000đ (*hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* và lãi suất theo quy định.

Bị đơn anh Triệu Văn L trình bày:

Đúng như chị Chúc Thị C trình bày nêu trên, năm 2004 tôi kết hôn với chị Chúc Thị C trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có cưới xin theo phong tục tập quán của bản làng dân tộc, vì lý do không hiểu biết nên chúng tôi không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị C đi làm thuê về chê tôi hôi hám bẩn thỉu nên không ngủ cùng tôi, do bức xúc bực tức nên tôi thừa nhận đã từng đổ thuốc trừ cỏ già vào quần áo của vợ, nay tôi nhận ra mình làm như vậy là sai cho tôi được xin lỗi. Chị C có đơn yêu cầu khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng, tôi nhất trí giải quyết theo quy định của pháp luật vì thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chúng tôi có hai con trai chung, cháu lớn tên là Triệu Thanh V, sinh ngày 09/10/2004; cháu thứ hai tên là Triệu Thanh H, sinh ngày 02/2/2008.Tôi nhất trí mỗi người nuôi một con chung và không phải cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện L cụ thể: Vay lần 1 số tiền 8.000.000đ vay ngày 11/12/2010 để làm nhà; Lần 2 vay số

tiền 47.000.000đ vay ngày 23/3/2015 để mua trâu. Tổng số tiền hai lần vay là 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng).*

Tại phiên tòa sơ thẩm anh L nhất trí trả một phần số nợ 55.000.000đ *(năm mươi lăm triệu đồng*) và lãi suất theo quy định như ý kiến chị C nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội trình bày ý kiến: Hiện nay vợ chồng chị Chúc Thị C còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L tổng số tiền 55.000.000đ (*năm mươi lăm triệu đồng*). Nếu như vợ chồng thỏa thuận mỗi người trả một nửa số nợ trên tôi nhất trí không có ý kiến gì, tuy nhiên chúng tôi yêu cầu chị C và anh L phải có trách nhiệm trả nợ đúng thời hạn theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc " *Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách các đương sự và tiến hành thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định, kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm; các trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) Xác định quan hệ pháp luật: *"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"*

(2) Xét yêu cầu khởi kiện của chị Chúc Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang có đủ cơ sở xác định chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và sinh hoạt hàng ngày, anh L nghi ngờ chị C có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau và xác định tình cảm không còn, hai bên không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chúc Thị C, không công nhận chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L là vợ chồng.

(3) Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh L có 02 con chung là cháu Triệu Thanh V, sinh ngày 09/10/2004 và cháu Triệu Thanh H, sinh ngày 02/2/2008.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị C và anh L thỏa thuận chị C là người trực tiếp nuôi cháu Triệu Thanh V, anh L là người trực tiếp nuôi cháu Triệu Thanh H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L là tự nguyện, phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của các cháu, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

(4)Về tài sản chung: Chị C, anh L tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vay nợ chung: Tại phiên tòa sơ thẩm chị C và anh L thỏa thuận chị C có nghĩa vụ trả nợ số tiền 27.500.000đ (*hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất theo quy định; anh L có nghĩa vụ trả nợ số tiền 27.500.000đ (*hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* và lãi suất theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

(5)Về án phí: Chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L thuộc diện hộ nghèo của xã P, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9, 14, 15, 16, 53, 81,82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 7 Điều 28, 264, 266, 267, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên xử: Không công nhận chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về con chung:

+ Giao cháu Triệu Thanh V, sinh ngày 09/10/2004 cho chị Chúc Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Giao cháu Triệu Thanh H, sinh ngày 02/2/2008 cho anh Triệu Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hai bên không phải trợ cấp nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị C và anh L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về vay nợ chung:

Chị Chúc Thị C có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Tuyên Quang số tiền gốc là 27.500.000đ *(hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất theo quy định.

Anh Triệu Văn L có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện L, tỉnh Tuyên Quang số tiền gốc là 27.500.000đ (*hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi suất theo quy định.

- Về án phí: Chị Chúc Thị C và anh Triệu Văn L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Án xử công khai sơ thẩm, chị C và anh L đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ngân hàng chính sách xã hội huyện L được quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần vay nợ của các đương sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/6/2018).

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
Vi Thị Nhâm - Vũ Thị Ánh Tuyết	**Hoàng Cao Tiến**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND xã Phúc Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Vi Thị Nhâm – Vũ Thị Ánh Tuyết	**Hoàng Cao Tiến**